

ĐẢNG BỘ TỈNH LÂM ĐỒNG
ĐẢNG ỦY XÃ ĐỨC AN

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đức An, ngày tháng 9 năm 2026

**KẾT QUẢ BÀI THU HOẠCH CHÍNH TRỊ HÈ 2026
CỦA CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN
CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC**

(Kèm theo Báo cáo số -BC/ĐU, ngày /9/2026 của Đảng ủy xã Đức An)

Stt	Họ và tên	Điểm	Ghi chú
I	Trường Chu Văn An		
1	Đặng Thị Thanh	9.8	
2	Phan Thị Tuy	9.8	
3	Vũ Thị Minh Thảo		Tập huấn chuyên môn
4	Nguyễn Thị Hương	10	
5	Phan Thị Thu Trang	9.8	
6	Mai Thu Hồng	9.8	
7	Phạm Thị Nụ	10	
8	Lương Thị Bình	9.6	
9	Vũ Thị Quyên	9.6	
10	Nguyễn Thị Liễu	9.6	
11	Nguyễn Thị Bình	9.6	
12	Nguyễn Thị Ánh	9.4	
13	Lê Thị Mai	9.8	
14	Trần Thị Hải Lý	9.8	
15	Võ Thị Hoa	9.6	
16	Trần Phan Hàn Thạch	10	
17	Nguyễn Thị Kim Loan	9.8	
18	Trần Văn Nam	9.4	
19	Trịnh Thị Thu Thủy	9.8	
20	Huỳnh Thị Liễu	9	
21	Định Thị Quyên	9.4	
22	Hồ Thị Quỳnh	9.4	
23	Lê Thị Anh Tuyền	9.4	
24	Hoàng Thị Thương	9	
25	Vũ Thị Tuyết	9.4	
26	Trần Thị Thanh Hiền	9.8	
27	Nguyễn Thị Vui	8.6	
28	Hoàng Thị Mỹ Lệ	9.6	

29	Nguyễn Thị Thu Hương	9.4	
30	Nguyễn Thị Hồng Vi	8.2	
31	Vũ Thị Hương Loan	10	
32	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	8.8	
33	Phan Thị Kim Thiệu	9.8	
34	Phạm Thị Dung	8.8	
II	Trường Trần Hưng Đạo		
1	Hoàng Thị Thanh Huyền	9.8	
2	Tăng Thị Tuyết Mai	9.8	
3	Phạm Thị Đào	9.8	
4	Hà Thị Hòa	10	
5	Nguyễn Trọng Giáo	9.6	
6	Phạm Thị Nữ	9.8	
7	Nguyễn Thị Thanh Hằng	9.8	
8	Nguyễn Thị Bích	9.8	
9	Trần Thị Minh	9.2	
10	Vũ Thị Bình	10	
11	Phạm Thị Thu Trà	9.8	
12	Nguyễn Thị Chín		Đang điều trị tại BV
13	Nguyễn Thị Minh	9.8	
14	Nông Thị Hằng	10	
15	Nguyễn Thị Giang		Tập huấn chuyên môn
16	H' Ngôi Êñuôl	10	
17	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	10	
18	Nguyễn Thị Lan	10	
19	Hoàng Thị Quỳnh Như	10	
20	Phạm Thị Tuyết Nhung	9.6	
21	Chu Thị Nghiệp	10	
22	Đỗ Thị Trang	10	
23	Nguyễn Thị Hải	9.8	
III	Trường Tô Hiệu		
1	Phùng Văn Hiệu	9.6	
2	Nguyễn Thế Thành	9.8	
3	Nguyễn Thị Uyên Uyên	9.6	
4	Ngô Thị Hải	9.6	
5	Phan Thị Thu Huyền	8.8	
6	Lưu Phi Lam	9.6	
7	Hoàng Thị Thúy Vinh	10	
8	Trần Thị Thu Hiền	9.8	
9	Đặng Thị Kim Khánh	9.8	

10	Nguyễn Thị Huệ	10	
11	Nguyễn Thị Lệ Mỹ	8.8	
12	Dương Văn Khanh	8.8	
13	Trần Thị Ngời	9.8	
14	Nguyễn Thị Thu Hiền	9.8	
15	Nguyễn Quốc Thủy	9.4	
16	Phan Thị Trúc Hà	9.4	
17	Vũ Yên Thanh	9.8	
18	Dương Đức Mót	9	
19	Hoàng Thị Hậu	9.8	
20	Trịnh Nguyên Sơn	9.6	
21	Nguyễn Thị Nguyệt	10	
22	Nguyễn Thị Xoan	9.8	
23	Trần Thị Thoa	8.8	
24	Nguyễn Thị Ninh Trang	9.8	
25	Trần Thị Hảo	9.8	
26	Phạm Thị Hương	9.8	
27	Nguyễn Thị Thanh	8.4	
28	Bùi Thị Hiệu	9.2	
IV	Trường Nguyễn Đình Chiểu		
1	Nguyễn Đình Huệ	9.6	
2	Phạm Đức Bảy	9	
3	Mai Thế Nhân	9.4	
4	Vũ Thị Hương	10	
5	Lê Thị Nam	8.8	
6	Nguyễn Văn Hùng	10	
7	Nguyễn Đình Chương	9.4	
8	Lê Thị Bích Hường	9.6	
9	Nguyễn Thị Thanh	8.8	
10	Trần Thị Nghĩa	9.6	
11	Võ Văn Hà	9.2	
12	Lương Thị Thúy Hằng	9.6	
13	Trần Thị Hằng	8.8	
14	Trịnh Thị Kim Ly	9.6	
15	Phan Thị Hạnh	8.8	
16	Lai Phan Tiên	9.8	
17	Lê Thị Duyên	9.8	
18	Nguyễn Thị Liên	9.4	
19	Trịnh Thiên	9.8	
20	Nguyễn Thị Tuyền	9.6	

21	Đinh Thị Hằng	10	
22	Phan Phúc Tiên	10	
23	Nguyễn Tiến Hải	8.8	
24	Phạm Thị Trà My	10	
25	Đoàn Thị Quỳnh	10	
26	Trần Hữu Lâm	9.6	
27	Thị Chuyên	9.6	
28	Vũ Thị Ngân	9.8	
29	Lương Thị Thu	9.6	
30	Nguyễn Thị Hường	9.8	
V	Trường Nguyễn Bình Khiêm		
1	Lê Ngọc Định	9.8	
2	Đậu Đình Đài	8.8	
3	Nguyễn Thị Tư	9.8	
4	Lê Thị Huệ	9.8	
5	Nguyễn Thị Tân	9.8	
6	Hoàng Công Đức	9.6	
7	Phạm Thu Hà	10	
8	Trần Thị Ánh	10	
9	Nguyễn Thị Khoa	9.4	
10	Lê Tấn Việt Thanh	9.6	
11	Lương Hồng Mạnh	9	
12	Lê Thị Hằng	10	
13	Lê Thị Thanh Minh	10	
14	Nguyễn Thị Huệ		Tập huấn chuyên môn
15	Nguyễn Thị Thu Hằng	9.4	
16	Lê Thị Nga	9.8	
17	Văn Minh Ngọc		Điều trị bệnh tại SG
18	Bùi Thị Dung	9.6	
19	Hồ Thị Hằng	9.6	
20	Nguyễn Thị Kim Quy		Điều trị bệnh tại SG
21	Phan Khắc Ngữ	9.2	
22	Nguyễn Thị Như Ý	10	
23	Nguyễn Thị Thảo	9.6	
24	Phạm Thị Hương Hoa	9.8	
25	Lê Thị Bích Nhi	9.8	
26	Nguyễn Thị Hằng	9.8	
27	Nguyễn Thị Ngọc	9	
28	Nguyễn Thị Tú Loan	9.8	
29	Vũ Thị Huế	8.6	

30	Trần Thị Nhân	9	
31	Nguyễn Thị Thuỷ (1989)	9.2	
32	Nguyễn Thị Hà	9	
33	Nguyễn Văn Hưng	9.4	
34	Nguyễn Thị Tiên	9.2	
35	Nguyễn Thị Kim Liên	9.4	
36	Trần Thị Phương Liên	9.8	
37	Nguyễn Thị Quyên	9.6	
38	Hoàng Thị Hiệp	9.6	
39	Nguyễn Thị Thuỷ (kế toán)	9.6	
40	Nguyễn Thị Ánh Hồng	9.6	
VI	Trường Lê Văn Tám		
1	Hoàng Văn Nam	9.2	
2	Phạm Thị Dung	9.6	
3	Trần Thị Mỹ	9.8	
4	Nguyễn Văn Thê	8.4	
5	Nguyễn Thị Bích Liên	9.4	
6	Nguyễn Vũ Hà	9	
7	Phan Thái Long	8.6	
8	Lê Thiết Cường	9.4	
9	Nguyễn Thị Luyến	9.8	
10	Lưu Thị Trang	10	
11	Trần Thị Lệ Hằng	9.2	
12	Nguyễn Thị Khen	9.8	
13	Mar Seal Điệp	9.6	
14	Trương Thị Hồng	9.4	
15	Hoàng Thị Tú Linh	9.6	
16	Điền M'pion	7.6	
17	Phạm Minh Nhật	10	
18	Điền Viết	9.8	
19	Võ Hoàng Thắng	9.8	
20	Hoàng Thị Yến	9.4	
21	Thị Biat	9.6	
22	Hồng Vân Rlayang	9	

22

40

30

28

23

34

177